

Số: 472/2022/QĐST- HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 605/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Y, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Anh Phạm Đức M, sinh năm 1982.

Cùng ĐKHKTT: Tổ 20, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở: Tổ 10, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 51; 54; 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị Y và anh Phạm Đức M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Y và anh Phạm Đức M nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên nhất trí thỏa thuận, giao con chung là Phạm Dương Minh Q, sinh ngày 26/11/2010 và Phạm Minh K, sinh ngày 04/10/2016 cho chị Dương Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con Q, K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000 đồng/ tháng/ hai con (Mười triệu đồng/ tháng/ hai con) cho đến khi cháu Q, cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh M được quyền đi lại

thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Chị Dương Thị Y nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000254 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- UBND phường Túc Duyên, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

